

NGH QUY T
I H I C ÔNG NHI M K 2011 - 2015
C A CTY C PH N D C PH M TIPHARCO

C n c Lu t doanh nghi p s 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

C n c i u l T ch c - ho t ng c a Công ty C ph n D c ph m Tipharco c i h i ng c ông thành l p thông qua ngày 16/02/2006 và n i dung s a i, b sung i u l c thông qua trong các phiên h p i h i c ông th ng niên.

C n c báo cáo tài chính n m 2010, ph ng h ng ho t ng n m 2011 c a H QT, báo cáo c a Ban Ki m soát, ph ng án phân ph i l i nhu n và các v n b n khác trình t i i h i c ông n m 2010 ngày 25/3/2011.

i h i c ông Công ty CPDP Tipharco th ng nh t.

QUY T NGH :

I. Thông qua báo cáo t ng k t n m 2010, ph ng h ng ho t ng n m 2011 c a Ban T ng Giám c:

Theo Báo cáo s 382-BC/TG ngày 25/3/2011 c a T ng Giám c.

1. K t qu s n xu t kinh doanh n m 2010:

1.	T ng doanh thu	:	204.656.227.900	ng
	Trong ó: DT Hàng Cty s n xu t	:	115.404.951.304	ng
2.	Giá tr SXCN	:	93.808.391.621	ng
3.	Kim ng ch NK tr c ti p	:	27.211.732.290	ng
4.	L i nhu n tr c thu	:	4.969.286.805	ng
5.	Các kho n n p NSNN (Theo lu t)	:	3.206.683.278	ng
6.	Chi tr c t c	:	15%/n m	
7.	u t thi t b , s a ch a	:	535.520.494	ng

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

1. Tổng doanh thu	:	220.000.000.000	ng
Trong đó: Hàng Cty sản xuất	:	130.000.000.000	ng
2. Lợi nhuận trước thuế	:	5.300.000.000	ng
3. Chi phí	:	16%/năm	
4. Đầu tư tài sản cố định (Đầu tư)	:	6.000.000.000	ng

Chỉ tiêu kế hoạch trên là kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Biểu quyết: Chỉ tiêu kế hoạch: 100%.

II. Thông qua Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2010: (Lập ngày 01/3/2011)

A. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010:

1. Tổng tài sản	:	91.205.795.526	ng
1.1 Tài sản ngắn hạn	:	62.773.320.730	ng
1.2 Nợ phải trả	:	23.001.494.501	ng
1.3 Tài sản dài hạn	:	28.432.474.796	ng
2. Tổng nguồn vốn	:	91.205.795.526	ng
2.1 Nợ phải trả	:	66.258.870.475	ng
2.2 Nguồn vốn chủ sở hữu	:	24.946.925.051	ng

B. Nhật ký hoạt động SXKD năm 2010:

1. Tổng doanh thu	:	204.656.227.900	ng
Trong đó: Hàng Cty sản xuất	:	115.404.951.304	ng
2. Lợi nhuận	:	25.948.699.842	ng
3. Lợi nhuận trước thuế	:	4.969.286.805	ng
4. Các khoản nộp NSNN (Theo luật)	:	3.206.683.278	ng
5. Lợi nhuận trên chi phí	:	3.040	ng/chi phí

Chỉ tiêu kế hoạch trên là kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Biểu quyết: Chỉ tiêu kế hoạch: 100%.

III. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2010:

Theo báo cáo số 496/BC.HĐQT ngày 21/3/2011 của Hội đồng Quản trị.

Mbổ sung và hành động hoạt động của trong năm 2010 theo nội dung quy định. Hình thức như thể văn bản báo cáo trên.

Bổ sung quy định: Hình thức như thể: 100%.

IV. Thông qua báo cáo kết quả nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị năm 2006 - 2010, phần kết quả nhiệm vụ nhiệm vụ năm 2011 - 2015:

Theo báo cáo số 497/BC.HĐQT ngày 21/3/2011 của Hội đồng Quản trị.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm vụ năm 2006 - 2010:

Năm	VT	2006		2007		2008		2009		2010		Tổng TH
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	5 năm
Doanh thu	T	130	129,1	140	145,4	155	174,4	175	192,3	212	204,66	845,86
Tiền: DTSX	T	40	43,29	55	62,37	65	74,42	75	95,19	100	115,40	390,67
Lợi nhuận	T	2	2,52	4	4,65	4,20	4,46	4,55	4,69	4,92	4,97	21,29
Cổ tức	%/năm	12	12	12	12	12	12	12	13,17	12-14	15	15,234
Vốn CSH	T	15	17	17	20	20	20	20	21	21	25	25

- Doanh thu trong 5 năm: 845,86 tỷ đồng, tăng 104,19% so kế hoạch nhiệm vụ năm.

- Doanh thu hàng Công ty sản xuất trong 5 năm: 390,67 tỷ đồng, tăng 116,72% so kế hoạch nhiệm vụ năm.

- Lợi nhuận trước thuế trong 5 năm: 21,29 tỷ đồng, tăng 108,29% so kế hoạch nhiệm vụ năm.

- Vốn chủ sở hữu năm 2006 là 15 tỷ đồng, năm 2010 là 25 tỷ đồng, tăng **10 tỷ** đồng trong nhiệm vụ năm.

2. Đầu tư máy móc thiết bị, XDCB nhiệm vụ năm 2006 - 2010:

STT	Nội dung	Số tiền ()
1	Năm 2006 (chưa VAT) bằng kê chi tiết kèm theo	3.032.244.935
2	Năm 2007 (chưa VAT) bằng kê chi tiết kèm theo	7.362.251.607
3	Năm 2008 (chưa VAT) bằng kê chi tiết kèm theo	6.577.004.054
4	Năm 2009 (chưa VAT) bằng kê chi tiết kèm theo	4.664.786.116
5	Năm 2010 (chưa VAT) bằng kê chi tiết kèm theo	535.520.494
Tổng cộng		22.171.807.206

Trong nhiệm vụ năm giá trị đầu tư 22,171 tỷ đồng đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất, kiểm tra chất lượng, mua nhà ở, nâng cấp nhà xưởng, các Trung tâm dịch vụ phẩm tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP, GSP, GDP, GPP.

Nguồn vốn chủ yếu là vay trung hạn 11,431 tỷ đồng, Công ty đã trả nợ gốc 11,418 tỷ đồng. Nguồn còn lại là tài sản phát triển, nguồn chi tiêu.

3. Kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2011 - 2015:

Stt	Chỉ tiêu	VT	2011	2012	2013	2014	2015	C NK
1	Doanh thu	tỷ đồng	220	240	260	280	300	1.300
2	T : DTSX	tỷ đồng	130	140	160	180	200	810
3	LN trước thuế	tỷ đồng	5,30	5,50	5,80	6,00	6,20	28,8
4	LN sau thuế	tỷ đồng	3,96	4,13	4,35	4,50	4,65	21,59
5	C t c	%/năm	16	16	17	18	18	17

4. Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị nhiệm kỳ 2011 - 2015:

STT	Hạng mục	Giá trị (tỷ đồng)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Thiết bị SX, KTCL	6,00	2011	
2	Thiết bị SX, KTCL	3,00	2012	
3	Thiết bị SX, KTCL	1,00	2013	
4	Thiết bị SX, KTCL	2,00	2014	
5	Thiết bị SX, KTCL	2,00	2015	
	Tổng cộng	14,00		

Để đảm bảo nguồn vốn chủ yếu trong nhiệm kỳ tiếp theo vay trung hạn, nguồn trích chi tiêu, đầu tư phát triển của Công ty. Công ty sẽ đầu tư theo từng giai đoạn cho phù hợp và nâng cao hiệu quả sản xuất, kiểm tra chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Chỉ thị ngành và văn phòng liên quan.

Bí quyết: Chỉ thị ngành: 100%.

V. Thông qua báo cáo của Ban kiểm toán năm 2010:

Theo báo cáo số 01 BC/BKS ngày 03/3/2011 của BKS.

Nhận xét:

- Nhìn chung trong quá trình, tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hợp lý, đúng quy định của pháp luật.

- Báo cáo tài chính minh bạch, rõ ràng và số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sổ sách kế toán phản ánh số liệu trung thực và chính xác theo quy định của Luật Kế toán, các quy định khác của Bộ Tài Chính.

- Trong năm 2010 Công ty không có lãi vay ngân hàng theo chính sách của Nhà nước nên chi phí lãi vay tăng cao so kế hoạch và làm ảnh hưởng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hàng hoá, thành phẩm, nguyên liệu tồn kho cao do có hàng nhàn ký g i, gia công. (Chiếm 1 trong tài sản lưu động và trong nghiệp vụ của Công ty cho nhà cung cấp trên 27 %)

- Tình hình công nợ khách i i u tr trong, ngoài tnh thanh toán ch m, công nợ c a m t s i u ph i viên cao.

- Vào th i i m cu i n m 2010 giá c nguyên v t li u, bao bì, hàng hóa t ng cao do t giá ngo i t bi n ng l n, lãi su t vay ngân hàng t ng, ... nên Công ty c ng g p nhi u khó kh n.

- Th c hi n ki m toán n m 2010 úng th i gian quy nh k p th i báo cáo k t qu cho H QT và i h i ng c ông.

Ki n ngh :

- ngh phòng KT-TK t p trung ki m soát và thu h i công n c a kh i i u tr trong, ngoài tnh, các i u ph i viên áp ng ngu n v n thanh toán cho các nh à cung c p nh m gi m ngu n vay ng n h n và gi m lãi vay, t ng l i nhu n.

- Công n ph i thu phòng KT-TK c n theo dõi v th i gian n , cu i n m xác nh các kho n ph i thu khó òi và l p d phòng theo Thông t s 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 c a B Tài chính.

- ngh phòng Kinh doanh theo dõi, n m b t thông tin v giá c hàng hóa trên th tr ng c a các Công ty có cùng lo i s n ph m Công ty có chính sách kinh doanh phù h p nh m t ng doanh thu và hi u qu .

Trên ây là báo cáo c a Ban Ki m soát gi n H i ng qu n tr và i h i c ông xem xét có ý ki n.

i h i th ng nh t v i nh ng ki n ngh trên.

Bì u quy t: i h i th ng nh t: 100%.

VI. Thông qua báo cáo h t nhi m k c a BKS n m 2006 - 2010, ph ng h ng nhi m v nhi m k 2011 - 2015:

Theo báo cáo ngày 03/3/2011 c a BKS.

M t s ki n ngh :

Nh ng i m c n l u ý kh c ph c trong n m 2011 và trong nhi m k t i:

- Vi c theo dõi và thu h i công n t t h n. Vì Công ty tham gia u th u cung ng hàng hóa cho kh i i u tr trong và ngoài tnh, m ng l i i u ph i viên c n ki m tra ch t ch h n. Theo dõi th i gian n có th t m trích d phòng.

- V tri n khai th c hi n các d án u t mua s m thi t b th c hi n theo quy trình mua s m c a Công ty.

- V theo dõi, qu n lý nguyên v t li u, bao bì, hàng hóa t n kho ch t ch tránh hàng ch m luân chuy n, t n ng làm nh h ng n ngu n v n ho t ông

sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong chu kỳ sản xuất công nghệ có lỗi nguyên vật liệu, bao bì tồn kho nhặng cần cải thiện cho hợp lý hơn.

- Công ty cần nên tổ chức bộ phận kiểm soát nội bộ có đủ nhân viên kiểm soát, cập nhật thông tin của ngành tài chính; hướng dẫn và chấn chỉnh nhân viên thi đấu về chuyên môn nghiệp vụ tài chính, quản lý số dư ngân hàng, phân tích hoạt động kinh doanh,... giúp phòng KT-TK thực hiện tốt Lu kế toán, góp phần Ban lãnh đạo Công ty có những hướng và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng mang lại hiệu quả hơn.

Chỉ thị thực hiện theo ý kiến trên.

Biểu quyết: Chỉ thị thực hiện: 100%.

VII. Thông qua trình chấp thuận Công ty kế toán năm 2011:

Theo trình số 498/TTr.H QT ngày 21/3/2011 của Hội đồng Quản trị.

1. Công ty Kế toán DTL.
2. Công ty TNHH Kế toán và Thuế, gọi tắt là A&C.
3. Công ty TNHH Kế toán và Thuế Tài chính kế toán, gọi tắt là AFC.

Chỉ thị thực hiện theo quy định Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong ba Công ty Kế toán kế toán hàng năm cho Cty CPDP Tipharco.

Biểu quyết: Chỉ thị thực hiện: 100%.

VIII. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010:

Theo trình số 500/TTr.H QT ngày 21/3/2011 của Hội đồng Quản trị.

	Phân phối lợi nhuận	: Tỷ lệ %	Số tiền	
1.	Lợi nhuận thực hiện năm 2010	:	4.969.286.805	ng
2.	Thu TNDN	:	1.037.257.792	ng
	Số phân phối 50%	:	518.646.804	ng
3.	Lợi nhuận còn lại	: 100	4.450.675.817	ng
3.1	Chi trả cổ tức (15%/năm)	: 49,34	2.196.000.000	ng
3.2	Quỹ dự trữ bổ sung + DPTC	: 10	393.202.902	ng
3.3	Quỹ phát triển	: 19,15	1.271.668.563	ng
3.4	Quỹ khen thưởng + phúc lợi	: 15	589.804.352	ng

Chỉ thị thực hiện theo nghị quyết nêu trên.

Biểu quyết: Chỉ thị thực hiện: 100%.

IX. Thông qua ph ng án phân ph i l i nhu n n m 2011: (S d ki n)

Theo t tr ng s 499/TTr.H QT ngày 21/3/2011 c a H QT.

Phân ph i l i nhu n (d ki n) : T l % :		S ti n
1.	L i nhu n th c hi n n m 2011	: : 5.300.000.000 ng
2.	Thu TNDN	: : 1.106.300.000 ng
3.	L i nhu n còn l i	: 100 : 4.193.700.000 ng
3.1	Chi tr c t c (16%/n m)	: 57,23 : 2.400.000.000 ng
3.2	Qu d tr b t bu c + DPTC	: 10 : 419.370.000 ng
3.3	Qu u t phát tri n	: 17,77 : 745.275.000 ng
3.4	Qu khen th ng + phúc l i	: 15 : 629.055.000 ng

i h i th ng nh t nh ng s li u d ki n trên.

Bi u quy t: i h i th ng nh t: 100%.

X. Thông qua t tr ng m c trích thù lao c a H QT, BKS n m 2011:

Theo t tr ng s 501/TTr.H QT ngày 21/3/2011 c a H QT.

Tr ng m c chi thù lao n m 2011:

i h i th ng nh t s li u n m 2010 và t l trích thù lao cho H QT - BKS, Th ký H QT ho t ng, trong n m 2011 nh sau:

- M c trích chi thù lao cho H QT - BKS, Th ký H QT không quá 0,15%/doanh thu.

- Th ng cho H QT, BKS, Th ký H QT là 10%/s l i nhu n v t k ho ch sau thu .

- Chi phí ho t ng c a H QT và BKS ph c v cho vi c qu n lý s n xu t kinh doanh c h ch toán vào chi phí qu n lý doanh nghi p c a Cty.

Bi u quy t: i h i th ng nh t: 100%.

XI. Thông qua t tr ng phát hành thêm c phi u n m 2011:

Theo t tr ng s 502/TTr.H QT ngày 21/3/2011 c a H QT.

- S l ng d ki n phát hành t 700.000 - 1.000.000 c ph n.

- Khi phát hành Công ty s thuê n v có kinh nghi m và uy tín t v n vi c l p h s xin UBCKNN v phát hành c phi u.

- D ki n phát hành trong n m 2011 và vào th i i m thích h p, có hi u qu v à H QT s xin ý ki n c ông b ng v n b n.

- Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị phát hành thêm cổ phiếu trong năm 2011 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, giảm vốn vay và bổ sung thêm vốn tự có. Hội đồng quản trị quy định cho HĐQT và Ban kiểm soát thuê nhân viên và lập phương án phát hành cổ phiếu và sau đó xin ý kiến của ông bằng văn bản.

Hội đồng quản trị xin ý kiến trên.

Biểu quyết: Hội đồng quản trị: 100%.

XII. Thông qua trình xin đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội:

Theo trình số 503/TTr.HQT ngày 21/3/2011 của HĐQT.

Thông qua biểu quyết thông qua nội dung: Hội đồng quản trị quy định cho HĐQT, BKS thể hiện việc thuê các công ty tư vấn có kinh nghiệm lập hồ sơ, trình đăng ký niêm yết, thi gian niêm yết, ... thể hiện việc niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong thời kỳ 2011-2015 thay cho đăng ký lên Sàn giao dịch Upcom.

Hội đồng quản trị xin ý kiến trên.

Biểu quyết: Hội đồng quản trị: 100%.

XIII. Thông qua trình quy định HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2011 - 2015 và bổ sung nội dung của Công ty:

Theo trình số 504/TTr.HQT ngày 21/3/2011 của HĐQT.

- Nhiệm vụ bổ sung nội dung Công ty CPDP Tipharco phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thông qua nội dung Hội đồng quản trị quy định cho HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2011-2015 xin ý kiến của ông bằng văn bản và bổ sung nội dung.

Đưa vào chương trình Hội đồng năm 2011 nội dung sửa đổi điều 42 của nội dung Công ty CPDP Tipharco.

- Hội đồng quản trị số 42: Phân phối lợi nhuận và lập quỹ như sau:

Lợi nhuận Công ty hàng năm, sau khi thể hiện nghĩa vụ tài chính Nhà nước và các khoản chi phí theo quy định pháp luật còn lại sẽ phân chia như sau:

- Quỹ dự trữ tài chính: Ít nhất bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 10% vốn nội lực Công ty.

- Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Hội đồng quản trị quyết định.

Hội đồng quản trị xin ý kiến trên.

Biểu quyết: Hội đồng quản trị: 100%.

XIV. Ý quy n:

ì h ì ng c òng ý quy n cho H ÒT, BKS Công ty CPDP Tipharco t ch c th c hi n các ch tiêu, n ì dung c a Ngh quy t phù h p v i pháp lu t, Lu t Doanh nghi p và tình hình th c t c a Công ty.

ì h ì th ng nh t v i s ý quy n trên.

Bi u quy t: ì h ì th ng nh t: 100%.

CH T CH OÀN

PH M QUANG BÌNH